

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
ANOVA
AGRI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, L="315
Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân
Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam", O=
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ANOVA AGRI, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0301447257, E=
phi.nguyenxuan@anovaagri.com.vn
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.10.02 22:35:59+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
(TÊN TRƯỚC ĐÂY: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
NOVA CONSUMER)

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Anova Agri (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Chủ tịch/Người đại diện theo pháp luật
Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Thảo	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026)
Bà Trần Thu Hằng	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026)

Ủy ban Kiểm toán

Bà Trần Thị Thu Thảo	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026)
Bà Trần Thu Hằng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2026)
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Mạnh Hào	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2026)
Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2026)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là Ông Nguyễn Hiếu Liêm.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Hiếu Liêm

Người đại diện theo pháp luật

Ngày 02 tháng 10 năm 2026

Số: 0184 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ Đông
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Anova Agri

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Anova Agri (Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer) (gọi tắt là "Công ty"), được phê duyệt ngày 02 tháng 10 năm 2026, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó trình bày việc Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 30 tháng 3 năm 2026 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được soát xét bởi cùng công ty kiểm toán này, với báo cáo soát xét đề ngày 29 tháng 8 năm 2025 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



Trần Hồng Quân
Pho Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2758-2025-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 02 tháng 10 năm 2026
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		160.156.016.290	182.282.239.091
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.151.739.890	158.483.008.609
1. Tiền	111		1.151.739.890	158.483.008.609
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	91.028.057.533	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		91.028.057.533	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.543.041.197	23.706.745.571
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	14.638.018.654	11.499.894.854
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.825.995.974	1.322.751.274
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	50.305.639.026	10.884.099.443
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(226.612.457)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		433.177.670	92.484.911
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		433.177.670	92.484.911
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.753.232.041.261	1.717.560.790.189
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000	15.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	215		15.000.000	15.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.284.727.629	273.379.632
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.065.283.185	273.379.632
- Nguyên giá	222		5.107.108.848	4.209.840.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.041.825.663)	(3.936.460.697)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.219.444.444	-
- Nguyên giá	228		17.038.706.650	14.688.706.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.819.262.206)	(14.688.706.650)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	2.042.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	2.042.000.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260	7	1.749.910.809.802	1.715.199.131.149
1. Đầu tư vào công ty con	261		2.521.516.495.000	2.521.516.495.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		43.555.224.469	43.555.224.469
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		33.530.784.778	33.530.784.778
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(927.540.521.907)	(891.456.518.851)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		78.848.827.462	8.053.145.753
V. Tài sản dài hạn khác	270		21.503.830	31.279.408
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		21.503.830	31.279.408
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		1.913.388.057.551	1.899.843.029.280

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		351.290.672.234	332.844.636.275
I. Nợ ngắn hạn	310		348.191.933.956	330.219.822.675
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	189.625.782	16.409.260
2. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		219.132.930	219.132.930
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	526.389.389	502.877.967
4. Phải trả người lao động	315		735.133.945	1.231.019.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	14	2.301.467.546	2.925.554.411
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	16	88.234.096.994	68.459.640.181
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	17	255.959.925.000	256.846.037.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		26.162.370	19.151.126
II. Nợ dài hạn	330		3.098.738.278	2.624.813.600
1. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	15	3.098.738.278	2.624.813.600
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	18	1.562.097.385.317	1.566.998.393.005
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
2. Thặng dư vốn	412		426.598.785.061	426.598.785.061
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.168.593.424	56.168.593.424
4. Lỗ lũy kế	420		(118.513.243.168)	(113.612.235.480)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	420a		(121.358.384.350)	(231.873.895.576)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	420b		2.845.141.183	118.261.660.096
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.913.388.057.551	1.899.843.029.280

Nguyễn Xuân Phi
Người lập

Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng

Nguyễn Hiếu Liêm
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 02 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		9.426.806.519	12.006.920.550
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10	19	9.426.806.519	12.006.920.550
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	20	4.030.336.741	3.147.860.716
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.396.469.778	8.859.059.834
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	22	66.854.820.230	50.938.567.290
6. Chi phí tài chính	23	23	55.373.542.614	57.288.427.997
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		13.423.721.758	14.931.074.382
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	14.032.606.211	8.162.932.425
8. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)-26)	30		2.845.141.183	(5.653.733.298)
9. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30)	50		2.845.141.183	(5.653.733.298)
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	-
11. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.845.141.183	(5.653.733.298)


Nguyễn Xuân Phi
Người lập


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Hiếu Liêm
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 02 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	2.845.141.183	(5.653.733.298)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	235.920.522	93.508.087
Các khoản dự phòng	03	36.310.615.513	30.329.016.839
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	(1.226.573.201)	8.642.209.827
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(65.628.247.029)	(50.938.567.290)
Chi phí đi vay	06	13.423.721.758	14.931.074.382
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(14.039.421.254)	(2.596.491.453)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(3.825.097.668)	(1.639.321.908)
Thay đổi các khoản phải trả	11	5.963.305.326	(274.179.427)
Thay đổi chi phí chờ phân bổ	12	(330.917.181)	68.578.189
Chi phí đi vay đã trả	14	-	(63.819.638)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.739.137.627)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.971.268.404)	(4.505.234.237)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.205.268.519)	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(159.443.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.120.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.168.268.204	14.316.817.266
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(136.360.000.315)	14.316.817.266
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	4.800.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(15.467.446.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(10.667.446.154)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(156.331.268.719)	(855.863.125)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	158.483.008.609	915.689.451
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	2.151.739.890	59.826.326


Nguyễn Xuân Phi
Người lập


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng


Nguyễn Hiếu Liêm
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 02 tháng 10 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Anova Agri (tên trước đây: Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer) (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 02 tháng 7 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) từ ngày 26 tháng 10 năm 2023, mã chứng khoán giao dịch là “NCG” theo Quyết định số 1124/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cổ đông lớn nhất của Công ty là Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang và Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 65,61% và 13,72% vốn cổ phần của Công ty. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm vốn góp của các cổ đông được trình bày tại Thuyết minh số 18.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 315 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 31 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý).

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ		Nơi thành lập và hoạt động
		%	%	%	%	
Công ty con trực tiếp						
Công ty Cổ phần Anova Feed	Sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản.	99,99	99,99	99,99	99,99	Cụm Công nghiệp Tập đoàn Anova, Ấp 4, xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Tổng công ty Mía Đường II – CTCP	Chế biến các sản phẩm cồn, CO2, kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp.	94,96	94,96	94,96	94,96	54-56 Lê Quốc Hưng, phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET	Mua bán, sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, thủy tinh, kinh doanh bất động sản.	99,67	99,67	99,67	99,67	Cụm Công nghiệp Tập đoàn Anova, xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Anova Farm	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chăn nuôi gia súc.	99,84	99,84	99,84	99,84	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Công ty Liên doanh TNHH Anova	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông nghiệp/chăn nuôi.	57,00	57,00	57,00	57,00	36 Đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	Mua bán thức ăn thú y, thuốc thú y thủy sản, nguyên phụ liệu thức ăn gia súc, hóa chất.	99,556	99,556	99,556	99,556	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Anova Biotech	Mua bán thuốc thú y, vắc-xin thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thuốc thú y thủy sản.	99,80	99,80	99,80	99,80	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Anova Tech	Kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản và các loại hóa chất, phụ gia thức ăn gia súc.	85,83	85,83	85,83	85,83	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Công ty TNHH Asian PacificXo	Bán buôn thực phẩm.	99,89	99,89	99,89	99,89	5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng lô X (Sunrise City North), 27 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Nơi thành lập và hoạt động
		Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	
Công ty con gián tiếp						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.	99,39	99,50	99,39	99,50	Lô M, Đường số 10, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Quốc Tế	Cung cấp nguyên liệu phục vụ cho các ngành công nghiệp thực phẩm, được phẩm và mỹ phẩm.	69,92	70,00	-	-	12 Ngách 102/62, đường Trường Chinh, phường Kim Liên, Tp. Hà Nội, Việt Nam.
Công ty liên kết						
Công ty Liên doanh Bio- Pharmachemie	Sản xuất thuốc thú y, thuốc sát trùng phục vụ ngành chăn nuôi.	30,00	30,00	30,00	30,00	2/3 Tầng Nhơn Phú, khu phố 19, phường Phước Long, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VetVaCo	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y, xuất nhập thuốc thú y.	23,84	23,84	23,84	23,84	Km 18, Quốc lộ 32, xã Hoài Đức, Tp. Hà Nội, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa (Công ty liên kết trực tiếp của Tổng công ty Mía Đường II – CTCPI)	Sản xuất và buôn bán đường ăn.	20,66	21,76	20,66	21,76	Khu vực 1, xã Hiệp Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Dữ liệu tương ứng trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

Dữ liệu tương ứng trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được soát xét.

Một số số liệu tương ứng của báo cáo năm/kỳ trước được phân loại và trình bày lại tại Thuyết minh số 3 và Thuyết minh số 28.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH/KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giá định hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 188.035.917.666 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 147.937.583.584 VND). Tuy nhiên, Công ty đang trong quá trình đàm phán để gia hạn khoản vay dài hạn đến hạn trả cùng với lãi vay và phần tiền lãi chậm nộp cùng với việc nhận cổ tức và giải ngân khoản vay từ các công ty thành viên, Công ty đánh giá có khả năng tạo ra đủ dòng tiền để hỗ trợ hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được lập trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính/Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200.

Công ty đã áp dụng các thay đổi trong hướng dẫn kế toán quy định tại Thông tư 99 cho kỳ kế toán/năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố. Việc áp dụng các thay đổi này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các thuyết minh hoặc các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Một số dữ liệu tương ứng đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Thông tư 99 như bên dưới:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (số liệu đã trình bày theo Thông tư 200)	Phân loại lại	Ngày 01 tháng 01 năm 2026 (số liệu phân loại lại theo Thông tư 99)
	VND	VND	VND
TÀI SẢN			
Phải thu ngắn hạn khác	10.981.245.196	(97.145.753)	10.884.099.443
Phải thu về cho vay dài hạn	7.956.000.000	(7.956.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	8.053.145.753	8.053.145.753
NỢ PHẢI TRẢ			
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	219.132.930	219.132.930
Phải trả ngắn hạn khác	68.678.773.111	(219.132.930)	68.459.640.181

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (ngoại trừ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đã được trình bày ở chi tiêu "các khoản tương đương tiền") và các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc, bao gồm giá mua và chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia nêu trên, được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và các khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Công ty không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi Công ty nhận vốn góp đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, như sau:

	Số năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái có khả năng hoạt động.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí chờ phân bổ bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị các công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm các khoản nhận trước về dịch vụ Công ty chờ cung cấp liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chờ phân bổ tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chờ phân bổ sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ kế toán tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, có khả năng Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó và giá trị của nghĩa vụ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công và không thành công:

- Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.
- Phần chi phí liên quan đến cổ phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về thuế tối thiểu toàn cầu.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

5. GIÁ ĐỊNH VÀ ƯỚC TÍNH QUAN TRỌNG

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn được ghi nhận khi có bằng chứng cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ. Mức dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị có thể thu hồi ước tính của khoản đầu tư tại thời điểm lập báo cáo.

Việc đánh giá tổn thất được thực hiện dựa trên tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, khả năng tạo dòng tiền trong tương lai và giá trị tài sản thuần của đơn vị nhận đầu tư, cùng với các yếu tố kinh tế và thị trường có liên quan. Đối với các khoản đầu tư vào đơn vị có lỗ lũy kế, âm vốn chủ sở hữu hoặc gặp khó khăn đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty xem xét trích lập dự phòng tương ứng với mức tổn thất dự kiến nhằm phản ánh đầy đủ rủi ro mất vốn của khoản đầu tư.

Việc xác định dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các xét đoán và ước tính quan trọng dựa trên những thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo. Theo đó, kết quả thực tế có thể khác với các ước tính đã ghi nhận khi có sự thay đổi về tình hình tài chính của đơn vị nhận đầu tư, điều kiện thị trường hoặc các yếu tố kinh tế khác trong tương lai. Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục rà soát và cập nhật các giả định này trong các kỳ báo cáo tiếp theo nhằm phản ánh phù hợp giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư dài hạn.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	11.823.532	8.413.886
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.139.916.358	158.474.594.723
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	-
	2.151.739.890	158.483.008.609

Chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn theo từng ngân hàng:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn	1.132.129.562	158.472.901.861
Các ngân hàng khác	7.786.796	1.692.862
	1.139.916.358	158.474.594.723

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền theo từng ngân hàng:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn (i)	1.000.000.000	-

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn với lãi suất được hưởng là 4,75%/năm.

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	Số cuối kỳ VND Giá gốc/Giá trị có thể thu hồi	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND Giá gốc/Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn (i)		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	61.769.424.655	-
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	29.258.632.878	-
	91.028.057.533	-
Dài hạn (ii)		
Tổng Công ty Mía đường II - CTCP	44.056.956.608	-
Công ty TNHH Asian Pacifico	29.694.931.512	2.005.589.041
Công ty Cổ phần Anova Farm	5.096.939.342	6.047.556.712
	78.848.827.462	8.053.145.753

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 7,8%/năm đến 9%/năm.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là các khoản cho các bên liên quan vay (Chi tiết tại Thuyết minh số 26) có kỳ hạn gốc từ 24 tháng đến 36 tháng và kỳ hạn còn lại trên 12 tháng, hưởng lãi suất từ 6%/năm đến 10,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 6%/năm), lãi vay được thanh toán vào ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
			VND			VND
Đầu tư vào công ty con	2.521.516.495.000		(898.315.743.651)	2.521.516.495.000		(865.883.674.669)
Công ty Cổ phần Anova Feed	699.925.600.000	(*)	-	699.925.600.000	(*)	-
Tổng Công ty Mía đường II	682.934.857.834	(*)	(639.345.608.409)	682.934.857.834	(*)	(623.059.948.265)
- Công ty Cổ phần	477.983.000.000	(*)	(145.876.158.165)	477.983.000.000	(*)	(128.228.845.156)
Công ty TNHH Asian PacificXo (**)	378.843.200.000	(*)	-	378.843.200.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và	186.700.000.000	(*)	(112.207.108.097)	186.700.000.000	(*)	(113.488.687.861)
Thương mại Sài Gòn VET	44.800.000.000	(*)	-	44.800.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Anova Farm	26.854.837.166	(*)	-	26.854.837.166	(*)	-
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	12.475.000.000	(*)	-	12.475.000.000	(*)	-
Công ty Liên doanh TNHH Anova	11.000.000.000	(*)	(886.868.980)	11.000.000.000	(*)	(1.106.193.387)
Công ty Cổ phần Anova Biotech						
Công ty Cổ phần Anova Tech						
Đầu tư vào công ty liên kết	43.555.224.469		(22.914.548.341)	43.555.224.469		(22.914.548.341)
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	14.821.385.049	(*)	-	14.821.385.049	(*)	-
Công ty Cổ phần Thuốc thú y	28.733.839.420	(***)	(22.914.548.341)	28.733.839.420	(***)	(22.914.548.341)
Trung ương Vet Va Co						
Đầu tư vào đơn vị khác	33.530.784.778	27.220.554.863	(6.310.229.915)	33.530.784.778	30.872.488.937	(2.658.295.841)
Công ty Cổ phần Thuốc thú y	33.530.784.778	27.220.554.863	(6.310.229.915)	33.530.784.778	30.872.488.937	(2.658.295.841)
Trung ương Navetco (****)						
	2.598.602.504.247	27.220.554.863	(927.540.521.907)	2.598.602.504.247	30.872.488.937	(891.456.518.851)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý này.



(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 12/2026/NQ/ĐHĐCĐ-NCG ngày 29 tháng 6 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Asian Pacifico. Sau khi hoàn tất giao dịch chuyển nhượng, Công ty sẽ không còn nắm giữ bất kỳ phần vốn góp nào tại Công ty TNHH Asian Pacifico.

(***) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM). Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 (gọi chung là “ngày định giá”), cổ phiếu này đang thuộc diện hạn chế giao dịch trên thị trường UPCoM. Do đó, Công ty không có đủ thông tin và cơ sở đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại các ngày định giá nêu trên.

(****) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương NAVETCO được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM). Giá trị hợp lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (“ngày định giá”) được xác định theo phương thức bình quân giá trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Đầu tư vào công ty con		
Công ty Cổ phần Anova Feed	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Tổng Công ty Mía đường II – Công ty Cổ phần Công ty TNHH Asian Pacifico	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Anova Farm	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Liên doanh TNHH Anova	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Anova Biotech	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Anova Tech	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty Cổ phần Nguyên liệu thực phẩm Quốc tế	Hoạt động kinh doanh có lãi	-
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Đầu tư vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Navetco	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được trình bày tại Thuyết minh số 26.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
Khác	245.269.754	174.649.154
b. Bên liên quan (chỉ tiết tại Thuyết minh số 26)	4.392.748.900	1.325.245.700
	14.638.018.654	11.499.894.854

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	47.829.008.889	8.869.899.443
Phải thu người lao động	2.476.500.000	2.014.200.000
Phải thu khác	130.137	-
	50.305.639.026	10.884.099.443
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan (chỉ tiết tại Thuyết minh số 26)	47.829.008.889	8.869.899.443

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	4.047.770.329	162.070.000	4.209.840.329
Mua trong kỳ	897.268.519	-	897.268.519
Số dư cuối kỳ	4.945.038.848	162.070.000	5.107.108.848
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	3.774.390.697	162.070.000	3.936.460.697
Khấu hao trong kỳ	105.364.966	-	105.364.966
Số dư cuối kỳ	3.879.755.663	162.070.000	4.041.825.663
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	273.379.632	-	273.379.632
Tại ngày cuối kỳ	1.065.283.185	-	1.065.283.185

Chi tiết tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên tại ngày 30 tháng 6 năm 2026:

	Số dư cuối kỳ		Số dư đầu kỳ	
	VND		VND	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Bộ thiết bị phần cứng	1.334.392.000	-	1.334.392.000	-
Bộ thiết bị nâng cấp máy chủ ERP	1.174.423.000	-	1.174.423.000	-
Servers - HPE ProLiant DL380 Gen11 8SFF NC Configure-to-order Server	867.000.000	818.833.334	-	-
Server DL DL 380 Máy chủ HPE ProLiant DL380 G10 Plus 8SFF NC CTO	590.000.000	196.666.671	590.000.000	245.833.335
IBM System x3950 X5 71455DU	578.000.000	-	578.000.000	-
	4.543.815.000	1.015.500.005	3.676.815.000	245.833.335

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.586.784.773 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 3.586.784.773 đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	14.688.706.650	14.688.706.650
Mua trong kỳ	2.350.000.000	2.350.000.000
Số dư cuối kỳ	17.038.706.650	17.038.706.650
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	14.688.706.650	14.688.706.650
Khấu hao trong kỳ	130.555.556	130.555.556
Số dư cuối kỳ	14.819.262.206	14.819.262.206
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	2.219.444.444	2.219.444.444

Chi tiết tài sản vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản vô hình trở lên tại ngày 30 tháng 6 năm 2026:

	Số dư cuối kỳ		Số dư đầu kỳ	
	VND		VND	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Phần mềm kế toán ERP	14.550.206.650	-	14.550.206.650	-
Dịch vụ nâng cấp kỹ thuật hệ thống Oracle EBS (Phần mềm ERP)	2.350.000.000	2.219.444.444	-	-
	16.900.206.650	2.219.444.444	14.550.206.650	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 14.688.706.650 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 14.688.706.650 đồng).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Bên thứ ba	53.505.050	13.109.260
b. Bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	136.120.732	3.300.000
	189.625.782	16.409.260

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	157.431.032	447.609.545	510.377.432	94.663.145
Thuế thu nhập cá nhân	345.446.935	4.609.800.357	4.523.521.048	431.726.244
	502.877.967	5.057.409.902	5.033.898.480	526.389.389

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay phải trả (*)	1.176.994.552	1.824.005.951
Chi phí phạt chậm thanh toán (*)	625.994.519	804.361.076
Khác	498.478.475	297.187.384
	2.301.467.546	2.925.554.411

(*) Đây là khoản chi phí lãi vay và tiền phạt do quá hạn thanh toán phát sinh liên quan đến khoản vay từ Deutsche Investition- und Entwicklungsgesellschaft mbH (Chi tiết tại Thuyết minh số 17).

15. DOANH THU CHỜ PHÂN BỐ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Bên thứ ba	92.733.112	78.550.400
b. Bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	3.006.005.166	2.546.263.200
	3.098.738.278	2.624.813.600

Công ty không có hợp đồng nào không có khả năng thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay phải trả (*)	73.391.373.656	59.599.211.334
Chi phí phạt chậm thanh toán (*)	14.837.870.550	8.855.576.059
Khác	4.852.788	4.852.788
	88.234.096.994	68.459.640.181

(*) Đây là khoản chi phí lãi vay và tiền phạt do quá hạn thanh toán phát sinh liên quan đến khoản vay từ Deutsche Investition- und Entwicklungsgesellschaft mbH (Chi tiết tại Thuyết minh số 17).

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm (Đánh giá lại)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND		VND
Deutsch Investments - Und Entwicklungsgesellschaft MBH	255.959.925.000	255.959.925.000	-	(886.112.500)	256.846.037.500	256.846.037.500

Đây là khoản vay bằng đồng Đô la Mỹ từ Deutsche Investition- und Entwicklungsgesellschaft mbH ("DEG") - một tổ chức tín dụng được thành lập tại Đức theo thỏa thuận vay ngày 07 tháng 10 năm 2021 với số tiền là 17.500.000 Đô la Mỹ, nhằm tài trợ cho hoạt động đầu tư và mở rộng kinh doanh trung và dài hạn của Công ty. Khoản vay chịu lãi suất 10,49%/năm và được thanh toán theo lịch trả nợ theo thỏa thuận cho vay với lần thanh toán sau cùng là ngày 15 tháng 6 năm 2026. Khoản vay được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm theo hợp đồng tín dụng và các phụ lục sửa đổi liên quan, bao gồm:

- o Thẻ chấp cổ phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa Ốc No Va để bảo đảm cho DEG theo Hợp đồng Cầm cổ Cổ phiếu NVL. Theo đó, số lượng cổ phiếu được cầm cổ cho DEG phải luôn đủ để đáp ứng Tỷ lệ Bảo đảm tại mọi thời điểm. Các cổ phiếu này phải được lưu giữ trong một tài khoản chứng khoán tại Việt Nam do một tổ chức lưu ký quản lý theo thỏa thuận lưu ký, và các tổ chức cũng như thỏa thuận lưu ký đó phải được DEG chấp thuận;
- o 35% giá trị Cổ phần tại Công ty do các cổ đông lớn sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp được thế chấp cho DEG;
- o Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán vô điều kiện từ hai công ty con là Công ty Cổ phần Sản Xuất và Thương Mại Sài Gòn VET và Công ty Cổ phần Anova Farm và bảo lãnh thanh toán đối với toàn bộ dự nợ vay do Công ty Cổ phần NovaGroup phát hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, khoản vay đã quá hạn chưa được thanh toán với số tiền 9.737.500 Đô la Mỹ, tương đương 255.959.925.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 9.737.500 Đô la Mỹ, tương đương 256.846.037.500 đồng). Công ty hiện đang trong quá trình đàm phán với bên cho vay về việc gia hạn thời hạn khoản vay và cơ cấu lại lịch thanh toán, dự kiến kéo dài đến ngày 31 tháng 3 năm 2029. Đồng thời, Công ty cũng đang trao đổi với bên cho vay về các nội dung liên quan đến tài sản bảo đảm nhằm hỗ trợ quá trình tái cơ cấu khoản vay này.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	56.168.593.424	(231.873.895.576)	1.448.736.732.909
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(5.653.733.298)	(5.653.733.298)
Số dư cuối kỳ trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	56.168.593.424	(237.527.628.874)	1.443.082.999.611
Số dư đầu kỳ này	1.197.843.250.000	426.598.785.061	56.168.593.424	(113.612.235.480)	1.566.998.393.005
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.845.141.183	2.845.141.183
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(7.746.148.871)	(7.746.148.871)
Số dư cuối kỳ	1.197.843.250.000	426.598.785.061	56.168.593.424	(118.513.243.168)	1.562.097.385.317

(i) Số trích lập các quỹ trong kỳ căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/2026/NQ/DHĐCĐ-NCG ngày 29 tháng 6 năm 2026.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	119.784.325	119.784.325
Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.784.325	119.784.325
Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 1.197.843.250.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<u>Vốn đã góp</u>			
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang	785.873.850.000	65,61	785.873.850.000	65,61
Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A	164.389.210.000	13,72	164.389.210.000	13,72
Cổ đông khác	247.580.190.000	20,67	247.580.190.000	20,67
	1.197.843.250.000	100,00	1.197.843.250.000	100,00

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 07/2026/NQ/ĐHĐCĐ-NCG ngày 29 tháng 6 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc hủy kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") năm 2025 đã được phê duyệt trước đó. Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phát hành ESOP năm 2026 với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá tối đa bằng 5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm phát hành. Đối tượng được chào bán bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị và người lao động theo danh sách được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Thời gian thực hiện chậm nhất đến Quý II năm 2027.

19. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý	8.298.168.000	10.374.608.550
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.110.120.000	1.632.312.000
Doanh thu dịch vụ khác	18.518.519	-
	9.426.806.519	12.006.920.550

Trong đó: Doanh thu cung cấp dịch vụ với các bên liên quan
 (chi tiết tại Thuyết minh số 26)

9.370.548.631	11.595.310.088
----------------------	-----------------------

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý	3.339.444.531	2.419.211.877
Giá vốn cho thuê văn phòng	690.892.210	728.648.839
	4.030.336.741	3.147.860.716

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	13.015.777.820	9.247.180.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.249.299.812	1.823.607.127
Chi phí dự phòng	226.612.457	-
Chi phí khác bằng tiền	335.332.341	146.497.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	235.920.522	93.508.087
	18.062.942.952	11.310.793.141

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.541.143.884	50.937.975.222
Lãi tiền gửi	4.087.103.145	592.068
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.226.573.201	-
	66.854.820.230	50.938.567.290

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	36.084.003.056	30.329.016.839
Chi phí lãi vay	13.423.721.758	14.931.074.382
Phạt lãi chậm trả nợ gốc, lãi vay	5.865.817.800	3.043.276.709
Chiết khấu thanh toán	-	119.250.240
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	223.600.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.642.209.827
	55.373.542.614	57.288.427.997

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	10.533.370.359	7.422.771.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.929.259.418	560.250.680
Chi phí khác bằng tiền	333.573.006	131.548.905
Chi phí dự phòng	226.612.457	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.031.636	44.341.423
Thuế, phí và lệ phí	1.759.335	4.020.000
	14.032.606.211	8.162.932.425

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	2.845.141.183	(5.653.733.298)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.894.054.411)	(2.861.911.357)
Điều chỉnh: Các khoản chênh lệch tạm thời	33.991.515.029	43.863.132.134
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	33.942.601.801	35.347.487.479
Thu nhập được miễn thuế	(61.541.143.884)	(50.937.975.222)
Thu nhập tính thuế	(27.598.542.083)	(15.590.487.743)
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 155.832.338.661 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 128.233.796.578 đồng) có thể dùng để khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ tính mang sang trong vòng năm năm liền kề kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ tính thuế. Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Năm phát sinh	Năm hết hạn	Lỗ tính thuế VND	Số lỗ đã chuyển đến ngày 30/6/2026 VND	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 30/6/2026 VND
2021	2026	25.414.260.888	-	25.414.260.888
2023	2028	30.114.361.692	-	30.114.361.692
2024	2029	40.814.298.144	-	40.814.298.144
2025	2030	31.890.875.854	-	31.890.875.854
2026	2031	27.598.542.083	-	27.598.542.083
		155.832.338.661	-	155.832.338.661

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có khoản chi phí lãi vay không được khấu trừ chưa sử dụng khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 với số tiền là 37.905.973.494 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 37.905.973.494 đồng).

Các khoản chi phí lãi vay không được khấu trừ chưa sử dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh	Năm hết hạn	Chi phí lãi vay không được khấu trừ chưa sử dụng tại ngày 30/6/2026 VND
2023	2028	35.348.199.160
2024	2029	2.557.774.334
		37.905.973.494

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế và chi phí lãi vay còn được mang sang vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Các khoản lỗ tính thuế và chi phí lãi vay còn được mang sang liên tục không quá 05 (năm) năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại khác phải trả nào trong kỳ vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A	Cổ đông
Công ty Cổ phần Anova Biotech	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Anova Farm	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Anova Feed	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Anova Tech	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	Công ty con trực tiếp
Công ty Liên doanh TNHH Anova	Công ty con trực tiếp
Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Asian PacificXo	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm	Công ty con gián tiếp
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần thuốc Thú y Trung ương Vet Va Co	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần NovaGroup	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Global Membership	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
(Tên trước đây: Công ty Cổ phần Big Ben Holiday)	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 24 tháng 2 năm 2026

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Anova Feed	3.067.891.612	2.855.085.471
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	1.650.861.834	1.641.449.231
Công ty Liên doanh TNHH Anova	1.519.660.112	1.011.569.231
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET	1.479.568.388	1.465.769.231
Công ty Cổ phần Anova Biotech	1.461.248.166	1.449.209.231
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	172.800.000	172.800.000
Công ty TNHH Asian Pacifico	18.518.519	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm	-	1.440.000.000
Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần	-	1.340.769.231
Công ty Cổ phần Anova Farm	-	197.889.231
Công ty Cổ phần Anova Tech	-	20.769.231
	9.370.548.631	11.595.310.088
Cho vay		
Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần	43.743.000.000	-
Công ty TNHH Asian Pacifico	27.000.000.000	-
	70.743.000.000	-
Thu hồi cho vay		
Công ty Cổ phần Anova Farm	1.120.000.000	-
Lãi cho vay		
Công ty TNHH Asian Pacifico	689.342.471	-
Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần	313.956.608	-
Công ty Cổ phần Anova Farm	169.382.630	-
	1.172.681.709	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia		
Công ty Liên doanh TNHH Anova	24.844.664.674	14.077.658.387
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	24.114.444.772	23.740.688.788
Công ty Cổ phần Anova Biotech	8.806.313.197	6.006.805.698
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET	3.775.721.241	2.764.641.548
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	-	4.348.180.801
	61.541.143.884	50.937.975.222
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	670.846.876	704.690.353
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	270.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Anova Feed	6.000.000	125.250.240
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm	541.665	1.409.338
	947.388.541	1.011.349.931
Chiết khấu thanh toán đã trả		
Công ty Cổ phần Anova Feed	-	119.250.240

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Đi vay		
Công ty Cổ phần Anova Feed	-	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Anova Farm	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Anova Biotech	-	1.000.000.000
	-	4.800.000.000

Chi phí lãi vay		
Công ty Cổ phần Anova Biotech	-	301.832.602
Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần	-	216.533.884
Công ty Cổ phần Anova Feed	-	61.216.438
Công ty Cổ phần Anova Farm	-	29.424.657
	-	609.007.581

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn		
Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần	44.056.956.608	-
Công ty TNHH Asian Pacifico	29.694.931.512	2.005.589.041
Công ty Cổ phần Anova Farm	5.096.939.342	6.047.556.712
	78.848.827.462	8.053.145.753

Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Anova Feed	4.032.673.700	988.170.500
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	337.075.200	337.075.200
Công ty TNHH Asian Pacifico	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại	3.000.000	-
Sài Gòn VET		
	4.392.748.900	1.325.245.700

Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Global Membership	1.265.727.274	1.265.727.274

Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	24.114.444.772	-
Công ty Liên doanh TNHH Anova	14.844.664.674	-
Công ty Cổ phần Anova Feed	8.869.899.443	8.869.899.443
	47.829.008.889	8.869.899.443

Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	130.620.732	-
Công ty Cổ phần Anova Feed	5.500.000	3.300.000
	136.120.732	3.300.000

Doanh thu chờ phân bổ dài hạn		
Công ty Cổ phần Anova Feed	2.122.744.666	1.798.089.600
Công ty Liên doanh TNHH Anova	537.099.888	454.955.200
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại	135.921.612	115.133.600
Sài Gòn VET		
Công ty Cổ phần Anova Biotech	118.161.334	100.089.600
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	92.077.666	77.995.200
	3.006.005.166	2.546.263.200

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Thù lao, lương và các khoản thu nhập khác lần lượt của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Hiếu Liêm	Chủ tịch kiêm thành viên Ủy ban Kiểm toán	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Quang Phi Tín	Thành viên	-	90.000.000
Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Thành viên	90.000.000	-
Trần Thu Hằng	Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (bổ nhiệm ngày 29/6/2026)	-	-
Trần Thị Thu Thảo	Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (miễn nhiệm ngày 29/6/2026)	90.000.000	90.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/01/2026)	1.973.428.692	-
Trần Mạnh Hào	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/01/2026)	885.759.000	-
Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/8/2025)	-	2.221.500.000
Đặng Ngọc Khánh Vân	Phó TGD Điều hành và Quản trị hệ thống (miễn nhiệm ngày 01/12/2025)	-	109.528.571
Đỗ Thị Mỹ Nhung	Kế toán trưởng	491.232.000	364.120.000
		3.650.419.692	2.995.148.571

27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 42.459.978.825 đồng (kỳ trước: 36.621.750.024 đồng), là số lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức phát sinh nhưng chưa thu tiền. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

28. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH KỶ TRƯỚC

Một số số liệu so sánh của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố để sửa chữa sai sót kế toán trọng yếu phát sinh của các kỳ trước, cụ thể như sau:

Thay đổi trên Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số trình bày lại	Ghi chú
TÀI SẢN					
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	57.024.000	1.265.727.274	1.322.751.274	[1]
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	3.307.727.274	(1.265.727.274)	2.042.000.000	[1]
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	(622.921.305.955)	(268.535.212.896)	(891.456.518.851)	[2]
VỐN CHỦ SỞ HỮU					
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	154.922.977.416	(268.535.212.896)	(113.612.235.480)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a	(49.099.306.226)	(182.774.589.350)	(231.873.895.576)	[4]
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	420b	204.022.283.642	(85.760.623.546)	118.261.660.096	[4]
Thay đổi trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025:					
Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số trình bày lại	Ghi chú

Chi phí tài chính

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

23	16.019.093.284	41.269.334.713	57.288.427.997	[3]
50	35.615.601.415	(41.269.334.713)	(5.653.733.298)	[3]
60	35.615.601.415	(41.269.334.713)	(5.653.733.298)	[3]

Thay đổi trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số đã trình bày	Ghi chú
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	01	35.615.601.415	(41.269.334.713)	(5.653.733.298)	[2] + [3]
Điều chỉnh cho các khoản:					
Các khoản dự phòng	03	(10.940.317.874)	41.269.334.713	30.329.016.839	[2] + [3]

- [1] Điều chỉnh phân loại giá trị Quyền nghỉ dưỡng từ “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” thành “Trả trước cho người bán ngắn hạn”.
- [2] Trích lập bổ sung Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn đối với dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.
- [3] Trích lập/ hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn khác dài hạn đối với chi phí phát sinh trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.
- [4] Ảnh hưởng các điều chỉnh [2] và [3] đến “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay”.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2026/NQ/HĐQT-NCG ngày 25 tháng 8 năm 2026, Hội đồng Quản trị thông qua việc chấp nhận bảo lãnh cho các nghĩa vụ phát sinh của khoản cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn đối với Công ty Cổ phần Anova Feed với số tiền cấp tín dụng 100.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Thời hạn nhận cấp tín dụng đến ngày 09 tháng 7 năm 2027. Theo đó, Công ty đồng ý sử dụng mọi tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty để đảm bảo cho việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần Anova Feed liên quan đến khoản vay này.


Nguyễn Xuân Phi
Người lập


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng


Nguyễn Hiếu Liêm
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 02 tháng 10 năm 2026